

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;
- Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2023/TT-BTC và Thông tư số 94/2024/TT-BTC;
- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 94/2024/TT-BTC: “2. Thông tư này hướng dẫn cụ thể thêm một số mức chi (theo Phụ lục 01 đính kèm). Mức chi quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này là mức chi tối đa, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức chi cụ thể để thực hiện tại địa phương”.

2. Cơ sở thực tiễn

Năm 2017, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 02/2017/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, theo đó Phụ lục 01 kèm theo Thông tư đã có quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Trong những năm qua, việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, việc xây dựng dự toán và chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đều căn cứ vào Thông tư số 02/2017/TT-BTC, địa phương chưa có quy định cụ thể về mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường. Điều này dẫn đến một số mức chi không thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 94/2024/TT-BTC; để đảm bảo quản lý thống nhất về ngân sách sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, việc ban hành Nghị quyết Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là cần thiết, có tính thiết thực và tính kịp thời.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Nhằm quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường phù hợp với tình hình thực tiễn, khả năng ngân sách của địa phương.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Việc xây dựng văn bản phải đảm bảo đúng theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Bảo vệ môi trường.

- Văn bản được xây dựng để quản lý có hiệu quả nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; đảm bảo tính phù hợp của mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, đồng thời phù hợp với tình hình thực tiễn, khả năng ngân sách của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Ngày 26/8/2025, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 646/TTr-UBND gửi Thường trực HĐND tỉnh về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành Nghị quyết. Thường trực HĐND tỉnh đã có Công văn số 88/CV-TTHĐND ngày 27/8/2025 cho ý kiến thống nhất về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì soạn thảo Nghị quyết quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết.

Trong quá trình soạn thảo, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã gửi văn bản lấy ý kiến các sở, ban, ngành, địa phương theo quy định (*Công văn số 1740/SNNMT-QLMT ngày 09/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường*); đồng thời đăng tải dự thảo văn bản trên Trang thông tin điện tử của Sở.

Sau khi lấy ý kiến của các sở, ngành, địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Sở Tư pháp thẩm định (*Công văn số 2237/SNNMT-QLMT ngày 22/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường*).

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa những ý kiến tham gia góp ý của các sở, ban, ngành, các địa phương và hoàn thiện dự thảo theo Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp (*Báo cáo thẩm định số 1411/BC-STP ngày 02/10/2025 của Sở Tư pháp*), trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) do ngân sách nhà nước bảo đảm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết này.

- Đối tượng áp dụng:

Nghị quyết áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Bố cục của bản dự thảo Nghị quyết gồm có 06 điều và 01 phụ lục kèm theo:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- Điều 2. Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện.

- Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp.

- Điều 5. Tổ chức thực hiện.

- Điều 6. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, bao gồm các nội dung chi:

- Lập nhiệm vụ, dự án;

- Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ;

- Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý;

- Điều tra, khảo sát;

- Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ;
- Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có);
- Hội thảo khoa học;
- Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ;
- Chi giải thưởng môi trường.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH:

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản:

- a) Nguồn lực tài chính: Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp.
- b) Nhân lực: Công chức, viên chức các sở, ngành, địa phương có liên quan.
- c) Điều kiện đảm bảo thi hành:

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Thời gian trình thông qua: Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua vào kỳ họp chuyên đề (kỳ họp thứ 3), HĐND tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; (2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (3) Bảng tổng hợp ý kiến và giải trình; (4) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với quy định pháp luật hiện hành).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách;
- Văn phòng ĐBQH&HDND tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *TC*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nam

Phụ lục
MỨC CHI CỤ THỂ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa theo quy định hiện hành (1.000 đ)	Mức chi cụ thể đề xuất (1.000 đ)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án		Theo quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC	Theo quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ⁽¹⁾	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp			<i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm. (Bảng mức tối đa được quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC)</i>
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	500	
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	300	300	

	Dại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	150	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 05 bài viết)	Bài viết	500	500	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng. (Bảng mức tối đa được quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC)</i>
4	Điều tra, khảo sát				<i>(Bảng mức tối đa được quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC)</i>
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	500	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin				
	- Cá nhân	Phiếu	50	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự	

			sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	ng nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
4.4	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	100	100	<i>Chi áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i>
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	200	200	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo			
	- Nhiệm vụ		5.000	5.000	<i>(Bằng mức tối đa được quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC)</i>
	- Dự án		10.000-15.000	10.000 ⁽²⁾	<i>(Bằng mức tối thiểu được quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC)</i>
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội				<i>(Bằng mức tối đa được quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC)</i>

	đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)				
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	700	
	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	600	600	
	Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	300	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	150	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500	500	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	300	
	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03 bài viết)	Bài viết	400	400	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)				<i>(Bảng mức tối đa được quy định tại Thông tư số</i>

					02/2017/TT-BTC)
	Người chủ trì	Người/buổi hội thảo	500	500	
	Thư ký hội thảo	Người/buổi hội thảo	300	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi hội thảo	150	150	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	350	350	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ				<i>(Bằng mức tối đa được quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC)</i>
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:				
	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	400	400	
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	200	200	
8.2	Nghiệm thu dự án:				
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	700	
	Thành viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	400	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện	Bài viết	500	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	400	400	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	150	
9	Chi giải thưởng môi trường⁽³⁾				

	Trung ương			
	Tổ chức		8.000 - 20.000	
	Cá nhân		5.000-15.000	
	Địa phương		Mức chi giải thưởng môi trường ở địa phương do UBND cấp tỉnh quyết định	
9.1	Cấp tỉnh			
	<i>Tổ chức</i>			
	Giải nhất			10.000
	Giải nhì			7.000
	Giải ba			5.000
	<i>Cá nhân</i>			
	Giải nhất			7.000
	Giải nhì			5.000
	Giải ba			3.000
9.2	Cấp xã			
	<i>Tổ chức</i>			
	Giải nhất			8.000
	Giải nhì			5.000
	Giải ba			2.000
	<i>Cá nhân</i>			
	Giải nhất			5.000
	Giải nhì			3.000
	Giải ba			1.000

⁽¹⁾ Mức chi lập nhiệm vụ, dự án: Áp dụng mức chi theo quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC. Cụ thể:

1. Chi phí lập nhiệm vụ, dự án: gồm chi phí lập đề cương nhiệm vụ, dự án; chi phí thu thập, khảo sát, lấy và gia công phân tích một số mẫu phục vụ lập đề cương (theo quy trình quy phạm kỹ thuật nếu có); phân tích tư liệu, kết quả khảo sát; lựa chọn giải pháp kỹ thuật, thiết kế phương án thi công, tính toán khối lượng công việc và lập dự toán kinh phí; họp hội đồng xét duyệt đề cương, xin ý kiến thẩm định, hoàn thiện cho đến khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với nhiệm vụ, dự án có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Dự toán chi phí được tính trên cơ sở khối lượng (x) đơn giá dự toán.

- Đối với nhiệm vụ, dự án chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán: Dự toán chi phí tính theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp nhiệm vụ, dự án; mức cụ thể như sau:

Hạng mục công việc	Chi phí trực tiếp (tỷ đồng)									
	≤5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
Nhiệm vụ, dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (%)	1,60	1,00	0,80	0,70	0,64	0,58	0,53	0,48	0,44	0,40

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện lớn hơn 50 tỷ đồng, thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm.

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện nằm trong các khoảng của hai giá trị quy định trong bảng trên được tính theo phương pháp nội suy như sau:

$$K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a)}{G_a - G_b} \times (G_i - G_b).$$

Trong đó: K_i : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ lệ %); K_a : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cận trên (tỷ lệ %); K_b : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cận dưới (tỷ lệ %); G_i : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ đồng); G_a : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cận trên (tỷ đồng); G_b : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cận dưới (tỷ đồng).

Trong trường hợp nhiệm vụ, dự án được lập và phê duyệt thành hai bước (bước xây dựng và trình phê duyệt tổng thể dự án; bước lập và trình phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán), dự toán kinh phí lập nhiệm vụ, dự án phân bổ cho từng bước công việc do các Bộ, địa phương quyết định trong tổng kinh phí lập nhiệm vụ, dự án theo tỷ lệ nêu trên.

Chi phí lập nhiệm vụ, dự án theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp tại bảng số liệu nêu trên là tính cho nhiệm vụ, dự án theo quy định có tất cả các chi phí lập nhiệm vụ, dự án quy định nêu trên; do vậy khi lập dự toán chỉ tính các chi phí mà nhiệm vụ, dự án phải thực hiện, không tính tất cả các chi phí nêu trên nếu không phải thực hiện. Căn cứ vào nội dung công việc, khối lượng thực hiện, chế độ tài chính hiện hành để dự toán kinh phí lập nhiệm vụ, dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các nhiệm vụ thường xuyên hàng năm (Hoạt động quan trắc; Kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật; Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường

được cấp có thẩm quyền quyết định; nhiệm vụ thường xuyên khác nếu có) và các nhiệm vụ không thường xuyên (bao gồm sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị và nhiệm vụ không thường xuyên khác nếu có); thực hiện theo quy định hiện hành, không tính dự toán lập nhiệm vụ.

Trường hợp nhiệm vụ cần thiết (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải có chi phí lập nhiệm vụ, được tính theo khối lượng công việc thực hiện cụ thể và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

⁽²⁾ Mức chi cho báo cáo tổng kết dự án: Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ kinh phí sự nghiệp môi trường, theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Môi trường, báo cáo tổng kết dự án đa số đều áp dụng theo mức chi 10 triệu đồng/báo cáo.

⁽³⁾ Chi giải thưởng môi trường: Dự thảo Nghị quyết đề xuất mức chi trên cơ sở so với mức chi Giải thưởng môi trường ở Trung ương và không vượt quá mức chi của Trung ương; mức chi giải thưởng cho cấp xã không vượt quá mức chi của cấp tỉnh, cụ thể:

- Cấp tỉnh:

+ Tổ chức: giải nhất bằng 50% mức chi tối đa của Trung ương, giải nhì bằng 87,5% mức chi thấp nhất của Trung ương, giải ba bằng 62,5% mức chi thấp nhất của Trung ương.

+ Cá nhân: giải nhất bằng 46,7% mức chi tối đa của Trung ương, giải nhì bằng 100% mức chi thấp nhất của Trung ương, giải ba bằng 60% mức chi thấp nhất của Trung ương.

- Cấp xã:

+ Tổ chức: giải nhất bằng 100% mức chi thấp nhất của Trung ương, giải nhì bằng 62,5% mức chi thấp nhất của Trung ương, giải ba bằng 25% mức chi thấp nhất của Trung ương.

+ Cá nhân: giải nhất bằng 100% mức chi thấp nhất của Trung ương, giải nhì bằng 60% mức chi thấp nhất của Trung ương, giải ba bằng 20% mức chi thấp nhất của Trung ương.

- Các mức chi còn lại (Hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ; Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý; Điều tra, khảo sát; Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường; Hội thảo khoa học; Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ) dự thảo Nghị quyết đề xuất mức chi tối đa theo quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC.

- Đối với các mức chi không phân định cấp tỉnh, cấp xã: Đa số các nhiệm vụ, dự án về bảo vệ môi trường do cấp tỉnh thực hiện và triển khai tại địa bàn cấp xã nên việc đề xuất mức chi cho cấp tỉnh, cấp xã bằng nhau là phù hợp. Trong quá trình xây dựng Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xin ý kiến các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu, các đơn vị, địa phương đều thống nhất với mức chi đề xuất. Các nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường gắn liền với nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh,

cấp xã được quy định tại Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Cụ thể: nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với lĩnh vực môi trường được quy định tại khoản 19 Điều 2 Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT; nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã đối với lĩnh vực môi trường được quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT./.

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; được sửa đổi, bổ sung
một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi
Thông tư số 31/2023/TT-BTC và Thông tư số 94/2024/TT-BTC;*

*Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày...tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi
trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra số.../BC-HDND ngày
tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi cụ thể sự
nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) do ngân sách nhà nước bảo đảm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh Quảng Trị; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quy định mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường

Mức chi cụ thể sự nghiệp bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã được phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán (theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC) trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, được tiếp tục áp dụng thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt, không phải xây dựng lại dự toán kinh phí theo mức chi được quy định tại Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa, Kỳ họp thứ.... thông qua ngày.....tháng.....năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT, Tài chính, Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: NN&MT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phụ lục
MỨC CHI CỤ THỂ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG TRỊ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (1.000 đ)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:		Theo quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ⁽ⁱ⁾	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		<i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện	Bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 05 bài viết)	Bài viết	500	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>
4	Điều tra, khảo sát			

4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
4.4	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	100	<i>Chi áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i>
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	200	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo		
	- Nhiệm vụ		5.000	
	- Dự án		10.000	

6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	600	
	Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	
	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03 bài viết)	Bài viết	400	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)			
	Người chủ trì	Người/buổi hội thảo	500	
	Thư ký hội thảo	Người/buổi hội thảo	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi hội thảo	150	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	350	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
	8.1 Nghiệm thu nhiệm vụ:			

	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	400	
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	200	
8.2	Nghiệm thu dự án:			
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
	Thành viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện	Bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	400	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
9	Chi giải thưởng môi trường			
9.1	Cấp tỉnh			
	<i>Tổ chức</i>			
	Giải nhất		10.000	
	Giải nhì		7.000	
	Giải ba		5.000	
	<i>Cá nhân</i>			
	Giải nhất		7.000	
	Giải nhì		5.000	
	Giải ba		3.000	
9.2	Cấp xã			
	<i>Tổ chức</i>			
	Giải nhất		8.000	
	Giải nhì		5.000	
	Giải ba		2.000	
	<i>Cá nhân</i>			
	Giải nhất		5.000	
	Giải nhì		3.000	
	Giải ba		1.000	

(i) 1. Chi phí lập nhiệm vụ, dự án: gồm chi phí lập đề cương nhiệm vụ, dự án; chi phí thu thập, khảo sát, lấy và gia công phân tích một số mẫu phục vụ lập đề cương (theo quy trình quy phạm kỹ thuật nếu có); phân tích tư liệu, kết quả khảo sát; lựa chọn giải pháp kỹ thuật, thiết kế phương án thi công, tính toán khối lượng công việc

và lập dự toán kinh phí; họp hội đồng xét duyệt đề cương, xin ý kiến thẩm định, hoàn thiện cho đến khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với nhiệm vụ, dự án có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Dự toán chi phí được tính trên cơ sở khối lượng (x) đơn giá dự toán.

- Đối với nhiệm vụ, dự án chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán: Dự toán chi phí tính theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp nhiệm vụ, dự án; mức cụ thể như sau:

Hạng mục công việc	Chi phí trực tiếp (tỷ đồng)									
	≤5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
Nhiệm vụ, dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (%)	1,60	1,00	0,80	0,70	0,64	0,58	0,53	0,48	0,44	0,40

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện lớn hơn 50 tỷ đồng, thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm.

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện nằm trong các khoảng của hai giá trị quy định trong bảng trên được tính theo phương pháp nội suy như sau:

$$K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a)}{G_a - G_b} \times (G_i - G_b).$$

Trong đó: K_i : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ lệ %); K_a : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cận trên (tỷ lệ %); K_b : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cận dưới (tỷ lệ %); G_i : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ đồng); G_a : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cận trên (tỷ đồng); G_b : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cận dưới (tỷ đồng).

Trong trường hợp nhiệm vụ, dự án được lập và phê duyệt thành hai bước (bước xây dựng và trình phê duyệt tổng thể dự án; bước lập và trình phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán), dự toán kinh phí lập nhiệm vụ, dự án phân bổ cho từng bước công việc do các Bộ, địa phương quyết định trong tổng kinh phí lập nhiệm vụ, dự án theo tỷ lệ nêu trên.

Chi phí lập nhiệm vụ, dự án theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp tại bảng số liệu nêu trên là tính cho nhiệm vụ, dự án theo quy định có tất cả các chi phí lập nhiệm vụ, dự án quy định nêu trên; do vậy khi lập dự toán chi tính các chi phí mà nhiệm vụ, dự án phải thực hiện, không tính tất cả các chi phí nêu trên nếu không phải thực hiện.

Căn cứ vào nội dung công việc, khối lượng thực hiện, chế độ tài chính hiện hành để dự toán kinh phí lập nhiệm vụ, dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các nhiệm vụ thường xuyên hàng năm (Hoạt động quan trắc; Kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật; Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định; nhiệm vụ thường xuyên khác nếu có) và các nhiệm vụ không thường xuyên (bao gồm sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị và nhiệm vụ không thường xuyên khác nếu có): thực hiện theo quy định hiện hành, không tính dự toán lập nhiệm vụ.

Trường hợp nhiệm vụ cần thiết (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải có chi phí lập nhiệm vụ, được tính theo khối lượng công việc thực hiện cụ thể và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.